

KĨ NĂNG THIẾT LẬP QUAN HỆ VỚI GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC TẬP SỰ PHẠM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SỰ PHẠM TPHCM

TRẦN THỊ THU MAI*, NGUYỄN NGỌC DUY**, BÙI THỊ HÂN**

TÓM TẮT

Kĩ năng (KN) thiết lập quan hệ với giáo viên (GV) và học sinh (HS) trong quá trình thực tập sự phạm (TTSP) có vai trò quan trọng trong quá trình thực tập cũng như công tác nghề nghiệp sau này của sinh viên sư phạm (SVSP). Việc nghiên cứu KN này có ý nghĩa rất lớn trong công tác đào tạo đội ngũ GV nhằm đáp ứng nhu cầu hiện nay của xã hội. Bài viết trình bày những kết quả trong việc nghiên cứu biểu hiện, mức độ, các yếu tố ảnh hưởng và các biện pháp rèn luyện KN thiết lập quan hệ với GV và HS trong quá trình thực tập của sinh viên (SV) Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM).

Từ khóa: kĩ năng, kĩ năng thiết lập quan hệ, thực tập sự phạm.

ABSTRACT

The competence of students of Ho Chi Minh City University of Education in establishing relationships with teachers and students during their practicum

The competence in establishing relationships with teachers and students during the practicum plays an important role in the practicum process as well as in real-life profession later. The study of this competence has a significant meaning in training teachers to meet the current demand of the society. The article presents results from the study of manifestations, degree, factors and methods in training the competence in establishing relationships with teachers and students during the practicum for students of Ho Chi Minh City University of Education.

Keywords: competence, competence in establishing relationships, practicum.

1. Đặt vấn đề

Kĩ năng thiết lập quan hệ với GV và HS trong quá trình TTSP của SVSP là khả năng vận dụng các kĩ thuật giao tiếp dựa trên nền tảng của thiện cảm, niềm tin và sự thấu hiểu về nhau để xác lập, duy trì và phát triển mối quan hệ với GV và HS nhằm đạt được một mục đích nhất định trong quá trình TTSP của SVSP.

Việc nghiên cứu biểu hiện, mức độ, các yếu tố ảnh hưởng và các biện

pháp rèn luyện KN thiết lập quan hệ với GV và HS trong quá trình thực tập của SV Trường ĐHSP TPHCM sẽ góp phần trực tiếp trong việc tạo ra nguồn nhân lực cho sự phát triển đất nước, đồng thời đáp ứng phần nào yêu cầu giáo dục để SV phát triển phù hợp với nhân cách GV của nền văn minh trí thức và hội nhập quốc tế hiện nay mà đất nước đặt ra.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Tổ chức nghiên cứu

* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: tranthumai@gmail.com

** ThS.

Chúng tôi tiến hành khảo sát trên 365 SV Trường ĐHSP TPHCM, gồm các tham số nghiên cứu được thể hiện ở Bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Mô tả khách thể nghiên cứu trên toàn mẫu

Thông tin cá nhân		Số lượng	Phần trăm
Giới tính	Nam	141	38,6
	Nữ	224	61,4
Năm học	Năm 3	209	57,3
	Năm 4	156	42,7
Ngành học	Xã hội	131	35,9
	Tự nhiên	99	27,1
	Ngoại ngữ	76	20,8
	Thể dục, Quốc phòng	59	16,2
Hộ khẩu thường trú	TPHCM	53	14,5
	Tỉnh khác	312	85,5
Loại hình trường học	Công lập	292	80,0
	Bán công	42	11,5
	Dân lập	31	8,5
Tổng		365	100,0

Phiếu khảo sát chính thức của đề tài tìm hiểu về KN thiết lập quan hệ với GV và HS trong quá trình thực tập của SVSP theo năm học, giới tính, hộ khẩu thường trú, chuyên ngành, loại hình trường đang thực tập.

Nội dung chính của bảng hỏi bao gồm các nhóm câu hỏi:

+ Nhóm 1: gồm 36 câu, nhằm tìm hiểu mức độ thực hiện tốt các biểu hiện của KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV.

+ Nhóm 2: nhằm tìm hiểu mức độ xử lý các tình huống liên quan đến 6 KN thành phần.

+ Nhóm 3: gồm 7 câu (có 1 câu mở) dùng để tự đánh giá mức độ sử dụng các hình thức SV sử dụng khi thiết lập quan hệ với GV và HS.

+ Nhóm 4: gồm 6 câu (có 1 câu mở) để đánh giá mức độ khó khăn của các yếu tố khi thiết lập quan hệ với GV

và HS của SV.

+ Nhóm 5: gồm 12 câu (có 2 câu mở) nhằm tìm hiểu mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến KN này.

+ Nhóm 6: gồm 9 câu (có 1 câu mở) nhằm tìm hiểu mức độ tham gia của SV vào các hoạt động mà Trường ĐHSP TPHCM đã tổ chức để rèn luyện KN này.

+ Nhóm 7: gồm 9 câu (có 1 câu mở) nhằm tìm hiểu mức độ hiệu quả của các biện pháp mà Trường ĐHSP TPHCM đã thực hiện để rèn luyện KN thiết lập quan hệ với GV và HS cho SV.

• *Cách xử lý kết quả*

- Với nhóm câu hỏi 1 và 2, phần tìm hiểu mức độ các biểu hiện (các KN thành phần) của KN thiết lập quan hệ với GV và HS được tính như sau:

+ Tổng điểm KN thiết lập quan hệ với GV và HS bằng trung bình cộng của 6 KN thành phần;

+ Điểm của một KN thành phần

bảng trung bình cộng của điểm tự đánh giá và điểm xử lý tình huống của KN đó;

+ Điểm tự đánh giá bằng trung bình cộng của 6 câu thuộc KN đó;

+ Điểm xử lý tình huống bằng trung bình cộng 4 câu tình huống thuộc KN đó;

+ Số điểm tương ứng với mức độ từ 1 đến 5 mà SV chọn đối với phần tự đánh giá và từ 1 điểm đến 5 điểm tùy đáp án A, B, C, D, E với các câu hỏi tình huống (theo bảng phụ lục);

+ Sau khi xác định được các điểm số trung bình thì dựa vào 5 khoảng điểm như trình bày dưới đây để xác định mức độ cao thấp.

- Với các nhóm câu 3, 4, 5, 6, 7 thì dựa vào thang mức độ từ 1 đến 5 để tính theo điểm trung bình (ĐTB), điểm thấp nhất là 1, cao nhất là 5, chia làm 5 mức,

cụ thể như sau:

+ ĐTB từ 1,00 đến 1,50: Mức độ rất thấp;

+ ĐTB từ 1,51 đến 2,50: Mức độ thấp;

+ ĐTB từ 2,51 đến 3,50: Mức độ trung bình;

+ ĐTB từ 3,51 đến 4,50: Mức độ khá cao;

+ ĐTB từ 4,51 đến 5,00: Mức độ cao.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Kết quả nghiên cứu chung về KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP

Khảo sát thực trạng mức độ KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP, chúng tôi thu được kết quả như Bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Mức độ KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Tự đánh giá về lí luận KN thiết lập quan hệ với GV và HS	3,63	0,43
2	Xử lý tình huống	3,17	0,36
3	KN thiết lập quan hệ với GV và HS	3,40	0,31

Bảng 2 cho thấy KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP ở mức trung bình (ĐTB=3,40). KN này giữa các SV không có sự phân tán rõ rệt với nhau và khá tương đồng nhau.

SV tự đánh giá về mức độ KN thiết lập quan hệ với GV và HS cao hơn khá nhiều so với mức độ xử lý các tình huống cụ thể. Khi SV tự đánh giá về lí luận KN thiết lập quan hệ với GV và HS đạt được ở mức độ cao (ĐTB=3,63), trong khi xử lý tình huống chỉ đạt được ở mức độ trung bình (ĐTB=3,17). Điều này cho thấy, việc áp dụng lí luận vào thực tiễn, việc đi từ nhận thức đến hành vi không phải là

một việc dễ dàng và có thể thực hiện trong thời gian ngắn. Vì thế, SV đã tự đánh giá mức độ KN này cao hơn khi xử lý các tình huống là điều khá dễ hiểu. Đây là cơ sở để chúng ta suy nghĩ về vấn đề cần đẩy mạnh hơn việc đưa các tình huống thực tiễn và thực hành trong quá trình học các môn học rèn luyện nghiệp vụ SP cho SV.

Để có khả năng ứng biến linh hoạt với các tình huống đa dạng trong quá trình TTSP, SV cần được trải qua một quá trình học tập, rèn luyện liên tục và thường xuyên, từ việc nhận thức được cách thức giao tiếp đến cách thức thiết lập quan hệ xã

hội, từ việc phân tích được các tình huống giả định trên lớp học đến các tình huống đã và đang xảy ra trong cuộc sống của SV. Có như thế, khi đi TTSP, SV mới có khả năng thiết lập quan hệ với GV và HS. Từ đó, mục đích và hiệu quả của công tác giảng dạy và giáo dục HS sẽ đạt được kết quả như mong đợi.

2.2.2. Biểu hiện của KN thiết lập quan hệ

với GV và HS của SV trong quá trình TTSP

KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV Trường ĐHSPTPHCM trong quá trình TTSP bao gồm 6 biểu hiện cơ bản, hay nói cách khác là gồm 6 KN thành phần. Dưới đây là kết quả thể hiện mức độ của từng KN thành phần mà SV đã đạt được:

Bảng 3. Biểu hiện của KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP

TT	Nội dung	Tự đánh giá			Xử lý tình huống			KN thiết lập quan hệ với GV và HS		
		ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	KN thể hiện bản thân với GV và HS	3,74	0,54	2	3,23	0,72	4	3,49	0,48	1
2	KN quan tâm đến GV và HS	3,58	0,53	4	3,28	0,67	2	3,43	0,46	3
3	KN gây hiệu ứng lưu luyến trong giao tiếp với GV và HS	3,51	0,52	5	3,28	0,62	2	3,39	0,42	5
4	KN mở lời hợp tác với GV và HS	3,65	0,47	3	3,32	0,63	1	3,49	0,42	1
5	KN thắt chặt mối quan hệ với GV và HS	3,78	0,55	1	3,02	0,59	5	3,40	0,43	4
6	KN làm quen với GV và HS	3,50	0,57	6	2,90	0,55	6	3,20	0,41	6

Bảng 3 cho thấy cả 6 KN thành phần cơ bản của KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP đều ở mức độ trung bình. Trong đó, 2 KN có điểm trung bình cao nhất là KN thể hiện bản thân với GV và HS và KN mở lời hợp tác với GV và HS (ĐTB=3,49), đã gần đạt đến mức độ cao. Điều này có thể giải thích như sau: Thứ nhất, TTSP là quá trình giúp SV có cơ hội rèn luyện nghiệp vụ SP ở trường phổ thông, là điều kiện thuận lợi để SV thể hiện tác phong, phong cách của một nhà SP nên SV sẽ có hiểu biết về bản thân, biết mình cần phải làm gì và biết cách thể hiện mình trong quá trình thực tập ở trường

phổ thông. Thứ hai, trong quá trình TTSP, SV thường xuyên làm việc với GV và HS nơi trường mình thực tập nên SV phải có khả năng và biết cách hợp tác tốt với cả GV và HS. Có như thế, sự khác biệt giữa SV, GV và HS mới được đẩy lùi và mục đích của công tác giáo dục sẽ đạt được hiệu quả.

Xếp thứ bậc 3 là KN quan tâm đến GV và HS (ĐTB=3,43). KN này thể hiện ở việc SV biết đồng cảm, biết hỏi thăm, dành thời gian trò chuyện, tương tác với nhau qua các công cụ giao tiếp gián tiếp (mạng xã hội) để hiểu hơn về GV và HS... SV đánh giá mình đạt được KN này ở mức độ trung bình, trong đó cũng có khá nhiều SV

đã đạt được mức độ cao ở KN này.

Tiếp theo là KN thắt chặt mối quan hệ với GV và HS (ĐTB=3,40). Điều này cho thấy SV đã nhận thấy được việc thắt chặt quan hệ bằng việc giữ chữ tín, tham gia các hoạt động chung hay chủ động xây dựng các mối quan hệ, tích cực hỗ trợ, giúp đỡ GV và HS trong hoạt động học tập cũng như hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm có thể thiết lập quan hệ tốt với GV và HS nơi trường thực tập.

Hai KN xếp cuối cùng là KN gây hiệu ứng lưu luyến trong giao tiếp với GV, HS và KN làm quen với GV và HS. Hai KN này được SV đánh giá thấp hơn các KN khác nhưng SV vẫn khá quan tâm đến nó. Vì để có thể hình thành một mối quan hệ tốt đẹp với nhau thì ấn tượng đầu tiên rất quan trọng. Nếu SV biết chủ động, có tinh thần thoải mái, tự tin, biết cách tiếp cận, chủ động trò chuyện thì đó sẽ là mở đầu tốt cho các mối quan hệ mới. SV biết cách làm quen gây ấn tượng ban đầu sâu sắc sẽ tạo bước đệm vững chắc mang lại hiệu quả cho các công việc sau này, nó cũng sẽ tạo tiền đề tốt để SV thiết lập, nuôi dưỡng và phát triển tốt các mối quan hệ. Có lẽ do mới bắt đầu vào quá trình thực tập nên SV còn bỡ ngỡ, chưa thật sự chủ động trong các mối quan hệ giao tiếp và gặp khó khăn khi chọn cách ứng xử cho các tình huống cụ thể nơi trường thực tập nên SV có KN này ở thứ bậc thấp nhất.

Kết hợp với khả năng làm quen, SV biết gây hiệu ứng lưu luyến với GV, HS bằng cách khéo léo thể hiện năng lực của bản thân, biết chia sẻ, lắng nghe, nói chuyện thú vị và tạo cảm giác an tâm khi nói chuyện thì hiệu quả của công tác giáo dục HS càng được tăng lên hơn nữa.

Khi xem xét từng KN thành phần ở 2 khía cạnh tự đánh giá và xử lý tình huống, có thể nhận thấy SV đánh giá cả 6 KN thành phần ở phần tự đánh giá đều ở mức độ cao, trong khi đó phần xử lý tình huống đều ở mức trung bình. SV tự đánh giá cao các KN như KN thắt chặt mối quan hệ với GV và HS, KN thể hiện bản thân với GV và HS, KN mở lời hợp tác với GV và HS. SV đã xử lý tốt nhất các tình huống ở các KN: KN mở lời hợp tác với GV và HS, KN quan tâm đến GV và HS, KN gây hiệu ứng lưu luyến trong giao tiếp với GV và HS. SV tự đánh giá và xử lý tình huống ở KN làm quen với GV và HS có thứ bậc thấp nhất ở cả khi tự đánh giá và xử lý tình huống.

2.2.3. Thực trạng sử dụng các hình thức thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP

Bảng 4 cho thấy, trong các hình thức thiết lập quan hệ với GV và HS mà SV đã sử dụng thì hình thức trò chuyện trực tiếp được sử dụng nhiều nhất (ĐTB=4,14), và là hình thức duy nhất trong 6 hình thức thiết lập quan hệ xếp ở mức độ cao.

Bảng 4. Các hình thức thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP

STT	Hình thức	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Trò chuyện trực tiếp	4,14	0,86	1
2	Trò chuyện qua điện thoại	2,93	1,04	4
3	Tương tác, trò chuyện qua mạng xã hội	3,10	1,10	2
4	Tặng quà	2,61	1,00	5
5	Thăm nhà	2,13	1,12	6
6	Giao tiếp xã giao	3,06	1,17	3

Trên thực tế, trò chuyện trực tiếp là một hình thức giao tiếp quan trọng và được con người thường xuyên sử dụng nhất trong các mối quan hệ khác nhau. Để thiết lập được quan hệ tốt và bền chặt với GV và HS thì SV phải thường xuyên có sự trao đổi, trò chuyện, thảo luận trực tiếp với GV, HS và các cán bộ, công nhân viên nơi trường thực tập. Khi đó, SV có thể nhanh chóng hiểu được tình hình nơi trường, lớp, đặc điểm tâm sinh lý của HS, từ đó sẽ có sự hợp tác, kết nối tốt đẹp giữa SV với HS, GV cũng như các thành viên khác trong nhà trường.

Các hình thức thiết lập quan hệ như tương tác, trò chuyện qua mạng xã hội,

giao tiếp xã giao, trò chuyện qua điện thoại và tặng quà được SV đánh giá đã sử dụng ở mức độ trung bình. Chỉ có hình thức thăm nhà SV sử dụng ít nhất, xếp ở mức độ thấp.

2.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV và mỗi yếu tố đều có những ảnh hưởng nhất định. Mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến quá trình thiết lập quan hệ với GV, HS của SV trong quá trình TTSP được thể hiện ở Bảng 5 dưới đây:

Bảng 5. Các yếu tố ảnh hưởng đến KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP

STT	Yếu tố	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Đặc điểm tâm lý bản thân	3,06	1,09	9
2	Kinh nghiệm giao tiếp với GV, HS	3,36	1,01	3
3	Kinh nghiệm từ việc tham gia các hoạt động xã hội của bạn trước khi thực tập	3,30	1,06	5
4	Văn hóa giao tiếp của gia đình bạn	3,02	1,10	10
5	Cách giao tiếp mà bạn được dạy trong gia đình	3,12	1,14	7
6	Nội dung các môn mà bạn được học trong nhà trường	3,07	1,12	8
7	Hình thức giáo dục tại trường bạn được học	3,18	1,09	6
8	Môi trường xã hội mà bạn đang sống	3,32	1,09	4
9	Sự hợp tác của GV, HS	3,55	1,08	1
10	Bầu không khí tâm lý của nhà trường nơi thực tập	3,52	1,09	2

Bảng 5 cho thấy, SV đánh giá 2 yếu tố: sự hợp tác của GV, HS và bầu không khí tâm lý của nhà trường nơi thực tập có ảnh hưởng ở mức độ cao và có tác động nhiều nhất đến việc thiết lập các mối quan hệ nơi trường thực tập (ĐTB là 3,55 và 3,52). Để có được một mối quan hệ tốt đẹp thì cần có sự hưởng ứng, hợp tác,

phối hợp và giúp đỡ của GV, HS. Bên cạnh đó, trường thực tập có bầu không khí tâm lý tích cực, thân thiện, GV đoàn kết, hỗ trợ nhau, HS tích cực học tập sẽ thúc đẩy nhanh chóng mối quan hệ giữa SV và GV, HS. Từ đó, mục đích và hiệu quả của hoạt động giảng dạy và giáo dục HS sẽ đạt được kết quả tốt nhất.

SV cho rằng yếu tố kinh nghiệm giao tiếp với GV, HS (ĐTB=3,36) gây ảnh hưởng khá nhiều trong khi thiết lập quan hệ. Nếu SV có kinh nghiệm giao tiếp tốt, họ sẽ tự tin, chủ động hơn khi bắt đầu các cuộc trò chuyện, trao đổi với GV và HS.

Yếu tố đặc điểm tâm lí của bản thân sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến việc vận dụng kiến thức, kinh nghiệm đã có vào việc thiết lập quan hệ với GV và HS. SV chỉ đánh giá yếu tố này ở thứ bậc 9, xếp ở mức độ trung bình.

Từ việc SV đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố trên đến quá trình thiết lập quan hệ sẽ làm cơ sở để các nhà

giáo dục có thể dựa vào để có những tác động, biện pháp rèn luyện phù hợp nhằm phát triển KN thiết lập quan hệ với GV, HS cho SV trong quá trình TTSP.

2.2.5. Các hoạt động nhằm nâng cao KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP

Trường ĐHSP TP HCM đã tổ chức nhiều hoạt động khác nhau nhằm rèn luyện và phát triển các KN cho SV, trong đó có KN thiết lập quan hệ với GV và HS. Sau đây là đánh giá của SV về mức độ tham gia và mức độ hiệu quả của các hoạt động này đối với việc nâng cao KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP ở các trường phổ thông.

Bảng 6. Các hoạt động nhằm nâng cao KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP

STT	Hoạt động	Mức độ tham gia			Mức độ hiệu quả		
		ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Học môn Giao tiếp - ứng xử SP	3,13	1,11	4	3,29	1,07	5
2	Học các môn có liên quan đến việc thiết lập mối quan hệ với GV, HS như: Tâm lí học, Giáo dục học	3,38	0,97	2	3,50	0,86	2
3	Các cuộc thi giao tiếp - ứng xử SP	2,73	1,04	8	3,17	1,10	7
4	Các buổi tập huấn chuyên đề về KN thiết lập mối quan hệ	2,95	1,05	6	3,28	1,01	6
5	Các buổi giao lưu với một số trường liên kết	2,80	1,14	7	3,11	1,08	8
6	Các chuyến đi thực tế để tiếp xúc với HS và môi trường học đường	2,98	1,16	5	3,43	1,06	3
7	Các hoạt động đoàn, hội, đội, nhóm	3,41	0,96	1	3,60	1,01	1
8	Các chuyến đi công tác xã hội, mùa hè xanh...	3,29	1,08	3	3,38	1,06	4

Bảng 6 cho thấy các hoạt động đoàn, hội, đội, nhóm là hoạt động được SV tham gia nhiều nhất (ĐTB=3,41) và cũng được đánh giá là hiệu quả nhất. Ở Trường ĐHSP TP HCM, đoàn thanh niên, hội SV, các nhóm, câu lạc bộ thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động khác nhau

đã thu hút sự tham gia tích cực của SV. Thông qua các hoạt động này, SV chủ động, tích cực, tự tin hơn trong các mối quan hệ giao tiếp cũng như trong quá trình thiết lập các mối quan hệ của mình.

Việc học các môn có liên quan đến việc thiết lập mối quan hệ với GV, HS

nghệ: Tâm lý học, Giáo dục học là yêu cầu bắt buộc của SVSP nên đây cũng là một trong những hoạt động SV tham gia có thứ bậc cao (ĐTB=3,38). Điều cần quan tâm ở đây là mức độ tham gia học tập các môn học có tính chất rèn luyện các KN SP này vẫn còn ở mức trung bình.

Hoạt động tiếp theo SV tham gia là các chuyến đi công tác xã hội, mùa hè xanh... Qua những hoạt động này, bên cạnh việc nâng cao ý thức cộng đồng, rèn luyện để hoàn thiện nhân cách và tác phong của một nhà giáo thì SV được rèn luyện các KN SP khi dạy học, tổ chức các chương trình học tập, vui chơi, giải trí, hoạt động ngoài giờ lên lớp, KN sống cho HS.

Bảng 7. Tính cần thiết và khả thi của một số biện pháp rèn luyện KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP

STT	Biện pháp	Mức độ cần thiết			Mức độ khả thi		
		ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Tập huấn KN thiết lập quan hệ với GV và HS cho SV	2,67	0,52	1	2,37	0,57	1
2	Có chuyên gia cố vấn và giám sát	2,37	0,62	10	2,04	0,65	10
3	Tham gia nhiều hoạt động với GV và HS	2,59	0,55	2	2,34	0,61	2
4	Tăng thời lượng tiếp xúc với GV và HS	2,56	0,53	3	2,32	0,60	3
5	Nhờ GV hướng dẫn và hỗ trợ thêm	2,47	0,59	7	2,28	0,59	5
6	Lồng ghép KN thiết lập quan hệ vào chương trình học trước khi SV đi thực tập	2,55	0,56	4	2,32	0,63	3
7	Đưa KN thiết lập mối quan hệ thành một môn học trong chương trình học của SV dưới sự quản lý của nhà trường	2,55	0,56	4	2,28	0,63	5
8	Đưa việc thiết lập quan hệ nói riêng và giao tiếp với GV và HS nói chung thành một tiêu chí để đánh giá thực tập	2,39	0,60	9	2,13	0,64	9
9	Tổ chức các CLB về KN để SV tham gia và rèn luyện	2,45	0,59	8	2,24	0,64	7
10	Bộ Giáo dục và Đào tạo tích cực đẩy mạnh việc xây dựng môi trường thân thiện tại các trường học	2,53	0,54	6	2,19	0,64	8

Các hoạt động như các chuyến đi thực tế để tiếp xúc với HS và môi trường học đường hay các buổi tập huấn chuyên đề về KN thiết lập mối quan hệ, hoạt động giao lưu với một số trường liên kết cũng như các cuộc thi giao tiếp - ứng xử SP có mức độ SV tham gia chỉ ở mức trung bình và ít hơn các hoạt động còn lại bởi các hoạt động này thường diễn ra khá ít, không có nhiều SV có cơ hội tham gia. Ngoài ra, các chuyên đề bồi dưỡng KN và các cuộc thi giao tiếp SP không thường xuyên được tổ chức.

2.2.6. Kết quả tính cần thiết và khả thi của một số biện pháp rèn luyện KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP

Bảng 7 cho thấy có 8/10 biện pháp chúng tôi đưa ra được SV đánh giá là rất cần thiết để nâng cao KN thiết lập quan hệ với GV, HS trong quá trình TTSP. Và tất cả các biện pháp được SV đánh giá ở mức độ khả thi khi áp dụng vào thực tiễn nhằm nâng cao KN thiết lập quan hệ với GV, HS trong quá trình TTSP.

Chỉ có một vài biện pháp có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong sự đánh giá của các nhóm SV trên các phương diện khác nhau về tính cần thiết và khả thi khi ứng dụng vào thực tế. Nói cách khác, giữa các nhóm khách thể SV có sự tương đồng nhau khi đánh giá tính cần thiết và khả thi của các biện pháp rèn luyện nhằm nâng cao KN thiết lập quan hệ với GV, HS trong quá trình TTSP cho SV.

3. Kết luận

KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV Trường ĐHSP TP HCM trong quá trình TTSP đạt được ở mức độ trung bình. KN này phát triển khá đồng đều nhau giữa các SV.

Các KN thành phần của KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP đều ở mức trung bình. Trong đó, KN thể hiện bản thân với GV, HS là tốt nhất; thứ hai là KN mở lời hợp tác với GV, HS; thứ ba là KN quan tâm đến GV, HS; thứ tư là KN thắt chặt mối quan hệ với GV, HS; thứ năm là KN gây hiệu ứng lưu luyến trong giao tiếp với GV, HS; thứ sáu là KN làm quen với GV, HS.

Hình thức thiết lập quan hệ với GV

và HS được SV sử dụng nhiều nhất trong quá trình TTSP là trò chuyện trực tiếp. Ngược lại, hình thức SV sử dụng ít nhất là thăm nhà.

Khó khăn mà SV gặp phải khi thiết lập quan hệ với GV và HS là hạn chế về thời gian tiếp xúc, sự thiếu hợp tác của GV, HS; không được chuẩn bị và rèn luyện KN thiết lập quan hệ với GV và HS.

Yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến KN thiết lập quan hệ với GV và HS của SV trong quá trình TTSP là yếu tố sự hợp tác của GV và HS; và bầu không khí tâm lý nơi nhà trường thực tập.

Trong các hoạt động do Trường ĐHSP TP HCM tổ chức, hoạt động mà SV đã tham gia nhiều nhất và mang lại hiệu quả cao nhất trong việc nâng cao KN thiết lập quan hệ là ở hoạt động đoàn, hội, đội, nhóm; và hoạt động học các môn như Tâm lý học, Giáo dục học. Bên cạnh đó, các hoạt động như các cuộc thi giao tiếp ứng xử SP hay giao lưu với các trường liên kết thì SV ít tham gia và cho rằng ít hiệu quả nhất.

Các biện pháp nhằm rèn luyện KN thiết lập quan hệ với GV và HS cho SV trong quá trình TTSP chúng tôi đã đề xuất được SV đánh giá ở mức độ rất cần thiết và khả thi nếu ứng dụng vào thực tiễn. Đây sẽ là cơ sở để các nhà giáo dục có thể vận dụng để phát triển KN này cho SV trong quá trình giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả của các kì TTSP cũng như chất lượng đào tạo GV của Trường ĐHSP TP HCM.

Ghi chú: Bài viết dựa trên báo cáo và số liệu của đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Cơ sở: “Kỹ năng thiết lập quan hệ với giáo viên và học sinh trong quá trình thực tập sư phạm của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh”, (Mã số CS 2015. 19.46).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Xuân Hậu (chủ nhiệm đề tài), Trần Thị Thu Mai (2007-2009), *Xây dựng chuẩn kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, Đề tài cấp Bộ trọng điểm, mã số: B. 2007.19.35. TĐ.
2. Trần Thị Thu Mai (chủ nhiệm đề tài) (2015), *Kỹ năng thiết lập quan hệ với giáo viên và học sinh trong quá trình thực tập sư phạm của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh* (Mã số CS 2015.19.46), Trường Đại học Sư phạm TP HCM.
3. Huỳnh Văn Sơn (chủ nhiệm đề tài), Trần Thị Thu Mai (2012), *Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên các trường đại học sư phạm*, Đề tài cấp Bộ, Mã số: B2012.19.05.
4. Anderson, Darlene (2011), *Using Dialogue Journals to Strengthen the Student-Teacher Relationship: A Comparative Case Study*. College Student Journal, June 2011.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 05-9-2016; ngày phản biện đánh giá: 06-9-2016;
ngày chấp nhận đăng: 16-10-2016)